

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM THỊNH GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI NAM THỊNH GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM THỊNH GROUP CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109974480

3. Ngày thành lập: 22/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 306 Phố Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0886868683

Fax:

Email: nam.thinh.group22@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ bán buôn động vật sống bị cấm)	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại mặt hàng công ty kinh doanh	8299
18.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
19.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
20.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
21.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
22.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
23.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
24.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
25.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
26.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
27.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
28.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
29.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
30.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
31.	Lập trình máy vi tính	6201
32.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
33.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
34.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
35.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
36.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động cắt xén thông tin, báo chí)	6399
37.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Loại trừ các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng; Hoạt động tư vấn pháp luật)	6619

38.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810
39.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản	6820
40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản - Hoạt động đo đạc và bản đồ - Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước - Giám sát, tư vấn giám sát thi công xây dựng - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Kiểm định xây dựng - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng bao gồm: + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông; + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; + Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật - Khảo sát xây dựng gồm: +Khảo sát địa hình; +Khảo sát địa chất công trình - Dịch vụ tư vấn đấu thầu	7110
41.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
42.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
43.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
44.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
45.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
46.	Quảng cáo (Trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
47.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ dịch vụ điều tra)	7320
48.	Hoạt động thú y	7500

49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Bán buôn tổng hợp	4690
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
52.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
53.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
54.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
55.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ rượu; - Bán lẻ bia; - Bán lẻ đồ không chứa cồn - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4723
56.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4724
57.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
58.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
59.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
60.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
61.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
62.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ (Trừ loại Nhà nước cấm)	4785
63.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4789
64.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
65.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
66.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng không theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
69.	Bốc xếp hàng hóa (Trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động hàng không)	5229
72.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

73.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
74.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
75.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
76.	Hoạt động viễn thông có dây	6110
77.	Hoạt động viễn thông không dây	6120
78.	Hoạt động viễn thông vệ tinh	6130
79.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý internet - Kinh doanh dịch vụ viễn thông;	6190
80.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
81.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
82.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
83.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
84.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
85.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
86.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
87.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
88.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
89.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
90.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
91.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
92.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
93.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
94.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
95.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
96.	Sản xuất điện	3511
97.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
98.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
99.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
100.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom chất thải nguy hại	3812
101.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
102.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại	3822

103.	Tái chế phế liệu	3830
104.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
105.	Xây dựng nhà để ở	4101
106.	Xây dựng nhà không để ở	4102(Chính)
107.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
108.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
109.	Xây dựng công trình điện	4221
110.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
111.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
112.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
113.	Xây dựng công trình thủy	4291
114.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
115.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
116.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
117.	Phá dỡ (Không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4311
118.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
119.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
120.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
121.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Radiô, cassette, tivi; - Loa, thiết bị âm thanh nổi; - Máy nghe nhạc; - Đầu video, đầu đĩa CD, DVD	4742
122.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
123.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
124.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
125.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
126.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4764

127.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ súng đạn loại dùng để đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí; bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4773
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM TÙNG KHÁNH	Số 79 Làng Cống Vị, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	033095001997	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000		

2	PHẠM THỊ TRÂM ANH	Tập thể Viện khảo sát thiết kế, Tổ 6B, Phường Phúc Xá, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	20,000	231196000030
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.000.000	10.000.000.000	20,000	
3	ĐỒNG VĂN NAM	Số 8 ngõ 370 Lê Duẩn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.500.000	15.000.000.000	30,000	036090005558
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.500.000	15.000.000.000	30,000	
4	CHU THIÊN TUẤN	Số 40 ngõ 36 đường Trung Kiên, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	10,000	001091009129
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	10,000	

5	NGUYỄN QUỐC GIÁP	Thôn Thống Nhất, Xã Thiệu Thịnh, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	10,000	038083012389
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	500.000	5.000.000.000	10,000	
6	TRẦN THANH TÙNG	Số 7B Ngách 275/8 Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	750.000	7.500.000.000	15,000	001074023550
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	750.000	7.500.000.000	15,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỒNG VĂN NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 09/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036090005558

Ngày cấp: 29/05/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 8 ngõ 370 Lê Duẩn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 8 ngõ 370 Lê Duẩn, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội